

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2019
V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Nghiêm.
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019; về tranh chấp: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **L**, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Y, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **T**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Y, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh T sau thời gian quen biết tìm hiểu nhau, anh chị sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn nhưng có cho tặng nữ trang gồm 01 đôi bông tai và 01 sợi dây chuyền tổng cộng khoảng 1,5 chỉ vàng 18K, trong thời gian chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Vợ chồng về sống ở ấp Y, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long hạnh phúc được khoảng 18 năm; có 02 con chung là C, sinh ngày 21/4/1993 và D, sinh ngày 03/12/1994. Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là 04 công đất ruộng (không nhớ số thửa, diện tích), 01 căn

nhà cấp 4 vách xây tường, mái lợp tol, nền gạch tàu ngang 5m dài 14m; hiện nhà và đất do anh T quản lý sử dụng. Nợ chung không có. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa, cự cãi nhau đến mức trầm trọng. Chị đã nhiều lần cố gắng khuyên chồng thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành; vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay, hiện mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T; con chung C, sinh ngày 21/4/1993 và D, sinh ngày 03/12/1994 đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T, anh T có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh T tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh T vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn chị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Xét chị L và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, pháp luật không công nhận quan hệ giữa chị L và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: C, sinh ngày 21/4/1993 và D, sinh ngày 03/12/1994 đã trưởng thành; chị L không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Về án phí: Chị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.
2. Về con chung: C, sinh ngày 21/4/1993 và D, sinh ngày 03/12/1994 đã trưởng thành; chị L không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị L nộp theo biên lai thu số 0015477 ngày 03/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

